

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC BÌNH
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/DS-ST

Ngày 15-8-2023

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản; yêu cầu di dời tài sản; yêu cầu chấm dứt hành vi tranh chấp

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giáp Thanh Long.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Trạch.

Bà Chu Mai Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Phương Thị Tiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản; yêu cầu chấm dứt hành vi tranh chấp theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2023/QĐST-DS, ngày 23/6/2023; Thông báo số 02/2023/TB-TA, ngày 19/7/2023 về việc chuyển ngày xét xử, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lý Văn L, sinh năm 1971 và bà Lâm Thị K, sinh năm 1978; cùng địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- Bị đơn: Ông Lâm Văn K, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (có mặt). Anh Lâm Văn C, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Lý Thị T, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

2. Anh Lý Văn T, sinh năm 2001; địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

3. Bà Triệu Thị S, sinh năm 1935; địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

4. Chị La Thị T, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

5. Bà Lâm Thị Phương, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn 13, xã Iarve, huyện Easup, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

6. Chị Lâm Thị T, sinh năm 1958; địa chỉ: Thôn Khau Phầy, **xã Đ, huyện L**, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

7. Chị Lâm Thị Th; sinh năm 1979, anh Lâm Văn P, sinh năm 1975; cùng địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

8. Chị Lâm Thị T1, sinh năm 1974; Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

9. Anh Lâm Văn M, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn H, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang, có mặt.

10. Chị Lâm Thị P, địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

11. Ông Lý Văn S, sinh năm 1960 và bà Hoàng Thị P, sinh năm 1963; cùng địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

12. Ông Hoàng Văn D, sinh năm 1981 và bà Lý Thị C, sinh năm 1980; cùng địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

13. Anh Lý Văn T; địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

14. Chị Lý Thị T2, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Ông Lý Văn K, sinh năm 1956; địa chỉ: Thôn Nà Mò, xã Thống Nhất, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

2. Ông Lý Văn L(L), sinh năm 1961; địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

3. Anh Lý Văn H; sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

4. Anh Lý Văn Y, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

5. Ông Lâm Văn H, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn Nà Mò, xã Thống Nhất, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 10/6/2022, đơn khởi kiện bổ sung ngày 31/10/2022, bản khai, các biên bản lấy lời khai cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Lý Văn L và bà Lâm Thị K trình bày:

Đất tranh chấp khoảng 10.000m² thuộc một phần thửa đất số 119, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn tại khu đồi Tàng Tàu, thôn N, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Đã được Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số phát hành BC 316505, sổ vào sổ cấp GCN: CH00332, ngày 15/3/2012 cho hộ ông Lý Văn L và bà Lâm Thị K. Về nguồn gốc: Năm 1998 gia đình ông, bà được Nhà nước giao đất và cây thông theo dự án 327, gia đình ông, bà được giao 02 lô đất, một lô đất được giao vào năm 1997 có địa danh tại khu đồi C, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 306, tờ bản đồ số 01 và một lô đất được giao vào năm 1998 có địa danh tại khu đồi T, chính là lô đất đang tranh chấp hiện nay. Ngoài ra ông, bà còn có 02 lô đất khác gồm 01 lô đất tại khu đồi T, 01 lô đất tại khu đồi T, hiện nay đều đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bố mẹ chia cho, bố tên là ông Lý Văn T, mẹ tên là bà Vi Thị X nhưng không nhớ chia cho năm nào, chỉ nhớ là chia sau khi có dự án 327. Gia đình ông, bà chỉ được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2012, không được cấp sổ bìa xanh. Diện tích đất của gia đình ông bà quản lý từ năm 1998 có các phía tiếp giáp như sau: Một phía tiếp giáp với đất rừng của ông Lý Văn M (đã chết); một phía tiếp giáp với đất của gia đình ông Lý Văn N, một phía tiếp giáp với đất của gia đình ông Lý Văn S, một phía giáp với đất ruộng của anh Lâm Văn C, ông Lâm Văn K. Gia đình ông Lâm Văn K, anh Lâm Văn C giáp ranh chỗ diện tích đất tranh chấp chỉ có đất ruộng. Quá trình quản lý và sử dụng diện tích đất: Năm 1998 khi được Nhà nước giao đất và giống cây thông con theo dự án 327 thì gia đình ông, bà gồm có ông Lý Văn L, bà Lâm Thị K tiến hành trồng trên toàn bộ diện tích đất được giao, không biết trồng bao nhiêu cây. Sau năm 1998 gia đình ông, bà không trồng thêm lần nào mà chỉ quản lý, chăm sóc cây, ngoài trồng cây thông, không trồng thêm cây gì khác. Vào khoảng năm 2000 do rừng bị cháy nên trên đất tranh chấp chỉ có lác đác cây thông, sau khi rừng bị cháy thì gia đình ông, bà không trồng thêm cây thông trên đất mà chỉ quản lý những cây còn sót lại. Đến khoảng năm 2013 gia đình tiến hành khai thác cạo nhựa thông toàn bộ cây thông đã trồng vào năm 1998, phần diện tích đất tranh chấp không cạo nhựa thông vì phần đất này rậm rạp và chỉ có lác đác cây thông. Năm 2018 gia đình ông, bà tiến hành khai thác gỗ thông trên toàn bộ diện tích đất được giao vào năm 1998 và đồng thời tự mở con đường cắt ngang qua diện tích đất tranh chấp với diện tích mà gia đình ông, bà đã trồng thông từ năm 1998 để vận chuyển gỗ thông. Đến tháng 06/2021 gồm có ông Lý Văn L, bà Lâm Thị K trồng khoảng 3000 đến 4000 cây keo trên toàn bộ diện tích đất đã khai thác thông và trồng xuống phía dưới sát với con đường tự mở thì đến tháng 07/2021 bị

anh Lâm Văn C, ông Lâm Văn K đi nhỏ lên. Việc nhỏ cây keo có báo với chính quyền thôn lập biên bản, số cây bị nhỏ là 215 cây keo. Không biết thời gian nào thì anh Lâm Văn C, ông Lâm Văn K đã phát cây trên đất tranh chấp, trong đó đã chặt 07 cây thông ở phía dưới con đường và 07 cây thông này không khai thác gỗ vào năm 2018 là do ở phía dưới con đường nên khó khai thác. Ông bà đã có ý kiến nhưng anh Lâm Văn C, ông Lâm Văn K vẫn cố tình tiếp tục chặt, phát cây trên đất và hai bên tranh chấp từ đó cho đến nay, còn trước năm 2021 không có tranh chấp xảy ra. Đến khoảng tháng 4/2022 gia đình anh Lâm Văn C, ông Lâm Văn K trồng cây bạch đàn trên diện tích đất tranh chấp, tuy nhiên gia đình họ trồng khi nào và trồng bao nhiêu cây trên đất thì ông, bà không biết, khi phát hiện trên đất tranh chấp đã có cây bạch đàn. Trên đất tranh chấp hiện nay gồm có cây bạch đàn do phía gia đình bị đơn trồng, ngoài ra không có cây gì khác. Trong quá trình giải quyết vụ án và sau khi có kết quả đo đạc của Công ty cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường Sông Tô, chi nhánh Lạng Sơn xác định được diện tích đất tranh chấp và tài sản trên đất. Ông, bà yêu cầu gia đình được quản lý và sử dụng diện tích đất tranh chấp 6988,1m² tại khu đồi Tàng Tàu (Tòng Tàu), thôn N, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, thuộc một phần thửa đất số 119, tờ bản đồ 01, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Yêu cầu ông Lâm Văn K, anh Lâm Văn C chấm dứt hành vi tranh chấp đối với diện tích đất tranh chấp với gia đình ông Lý Văn L và bà Lâm Thị K. Đối với yêu cầu ông Lâm Văn K, anh Lâm Văn C bồi thường thiệt hại về tài sản là 215 cây Keo, mỗi cây có giá trị là 30.000 đồng, tổng cộng là 6.450.000 đồng và 07 cây thông đã bị chặt là 500.000 đồng, trong quá giải quyết vụ án và tại phiên toà ông, bà đã rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu này. Đối với yêu cầu gia đình bị đơn di dời tài sản trên đất tranh chấp do gia đình bị đơn trồng, tại phiên toà ông, bà không yêu cầu gia đình bị đơn di dời tài sản trên đất mà yêu cầu được sở hữu cây bạch đàn, cây keo do gia đình bị đơn trồng và thanh toán giá trị cây theo giá Nhà nước.

** Bị đơn anh Lâm Văn C trình bày:* Về Nguồn gốc đất tranh chấp do ông cha để lại để cho bố mẹ anh quản lý, không biết bố mẹ quản lý từ khi nào và có diện tích đất bao nhiêu. Anh chỉ biết bố mẹ có trồng cây thông trên đất nhưng trồng lác đác, tuy nhiên trồng năm nào và trồng bao nhiêu thì anh không biết được. Khoảng năm 2000, không nhớ chính xác vào năm nào, bố mẹ chia cho 3 anh em là Lâm Văn K, Lâm Văn M, Lâm Văn C, tuy nhiên giấy tờ chia đất hiện nay đã mất. Khi chia chỉ nói là đất ở khu đồi T (hay còn gọi là T1) do dân địa phương gọi khác nhau) không nói là chia có diện tích là bao nhiêu m². Quá trình quản lý và sử dụng diện tích đất tranh chấp: Từ khi được chia cho 3 anh em quản lý thì 3 anh em chỉ quản lý những cây đã có sẵn trên đất là cây gỗ tạp và một số cây thông, ngoài ra còn thường xuyên lên rừng hái củi để quản lý và không trồng thêm cây gì trên đất. Đến khoảng năm 2010 có để cho vợ chồng chị Lâm Thị T cao nhựa khoảng hơn 20 cây thông trên diện tích đất tranh chấp ở phía sát với phần đất ruộng của gia đình ông. Số cây thông mà vợ chồng chị Lâm Thị T khai thác nhựa thông thì ông đã chặt và bán lấy tiền vào năm 2021, mục đích là để trồng cây bạch đàn. Năm 2021 gia đình anh đã phát và trồng cây bạch đàn trên đất. Phần đất ruộng của gia đình giáp với diện tích đất tranh chấp đều đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất vào khoảng năm 2012, do không nhớ chính xác còn phần diện tích đất tranh chấp chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do anh đã nhầm là đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2010 khi anh đi kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất tranh chấp thì phát hiện diện tích đất tranh chấp trên gia đình ông Lý Văn L đã đi kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng phần đất tranh chấp thì gia đình ông Lý Văn L vẫn để nguyên không khai thác và không trồng cây gì trên đất nên gia đình anh cũng không ý kiến gì, chưa yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết. Đến năm 2018 gia đình ông Lý Văn L khai thác cây thông và sau đó trồng keo xuống diện tích đất tranh chấp thì có vợ chồng ông Lý Văn L thoả thuận với anh, không có ai làm chứng, thoả thuận để gia đình ông Lý Văn L làm con đường mới mở giáp với phần đất của gia đình anh để khai thác gỗ cây thông, thoả thuận làm con đường đi chung, mỗi bên bỏ ra một nửa đất làm con đường, phía trên con đường là của gia đình của ông Lý Văn L quản lý, phía dưới con đường là của gia đình anh quản lý, tại phiên toà anh cho rằng trước khi ông Lý Văn L mở đường vào năm 2018 thì đã có con đường mòn đi bộ. Năm 2018 gia đình ông Lý Văn L đã khai thác khoảng 10 cây thông trên diện tích đất tranh chấp, nằm ở phía dưới con đường, hiện nay còn có gốc, có đường kính gốc là 30cm, có gốc cây thông có đường kính khoảng 15 đến 20cm, hiện đang bị mục, số cây thông này không phải do gia đình anh trồng mà do tự mọc từ ngày xưa. Giáp với phần diện tích đất tranh chấp gia đình ông Lý Văn L có quản lý một diện tích đã được trồng thông từ trước, còn gia đình anh có quản lý phần đất ruộng giáp với đất tranh chấp. Gia đình anh không biết gia đình ông Lý Văn L trồng cây keo từ khi nào, nhưng trồng xuống phía dưới con đường tự mở mà đã thoả thuận từ trước nên anh đã nhổ khoảng hơn 10 cây keo, cao khoảng 10 đến 15cm, nhưng không lập biên bản gì. Nay anh yêu cầu gia đình anh, ông Lâm Văn K được quyền quản lý và sử dụng diện tích đất tranh chấp thuộc một phần thửa đất số 119, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn tại khu đồi Tàng Tàu, thôn N, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn và sở hữu tài sản trên diện tích đất tranh chấp. Đối với rút yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản là 215 cây keo, mỗi cây có giá trị là 30.000 đồng, tổng cộng là 6.450.000 đồng và 07 cây thông bị chặt là 500.000 đồng do nguyên đơn đưa ra, anh nhất trí. Ngoài ra đối với các yêu cầu khác của nguyên đơn, anh không chấp nhận.

** Bị đơn ông Lâm Văn K trình bày:* Đất tranh chấp do ông cha để lại cho bố mẹ ông quản lý tại khu đồi T, thôn N, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, diện tích đất tranh chấp chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Gia đình thường xuyên lên rừng hái củi, không cho ai làm gì trên đất. Diện tích đất tranh chấp được bố mẹ ông chia cho ba anh em gồm có ông, Lâm Văn M và Lâm Văn C, nhưng không nhớ chia năm nào, không làm giấy tờ gì, chỉ nói bằng miệng, không có diện tích bao nhiêu, chỉ nói là khu đồi T. Ông có được trồng thông trên đất tranh chấp, trồng một lần duy nhất nhưng không nhớ trồng năm nào, trồng bao nhiêu cây, bố mẹ ông không trồng cây gì trên đất, mà chỉ có ông là người trồng thông. Trong quá trình quản lý và sử dụng có được cho em gái Lâm Thị T cạo nhựa thông trên đất nhưng không nhớ cạo nhựa từ năm nào đến năm nào. Em trai Lâm Văn C có

được khai thác cây thông trên đất, ông không khai thác. Số cây bạch đàn trên đất tranh chấp là do vợ chồng Lâm Thị Thẽ trồng. Việc nhổ cây keo trên đất tranh chấp đã được chính quyền lập biên bản, bắt đầu tranh chấp từ đó cho đến nay còn trước đó không tranh chấp. Ông nhất trí đối với rút yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản là 215 cây keo, mỗi cây có giá trị là 30.000 đồng, tổng cộng là 6.450.000 đồng và 07 cây thông bị chặt là 500.000 đồng do nguyên đơn đưa ra, không chấp nhận các yêu cầu khác của nguyên đơn đưa ra.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Lý Thị T, anh Lý Văn T: Nhất trí với ý kiến của ông Lý Văn L, bà Lâm Thị K.*

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Triệu Thị S trình bày:* Chồng bà là ông Lâm Văn Khòeng (đã chết). Nguồn gốc đất tranh chấp do ông cha để lại cho vợ chồng bà quản lý, không nhớ từ năm nào. Trước khi vợ chồng bà quản lý trên đất chỉ có cây gỗ tạp, cây thông nhỏ, cây thông có trên đất một phần là do tự mọc, một phần là do chồng bà trồng nhưng không biết trồng năm nào và bà không được trồng cây gì trên đất. Vợ chồng bà gồm có 08 người con, những người con gái đi lấy chồng không quản lý và sử dụng diện tích đất tranh chấp. Gia đình bà đã thống nhất chia diện tích đất tranh chấp cho ba anh em là Lâm Văn K, Lâm Văn M, Lâm Văn C quản lý, nhưng không có giấy tờ gì và chia năm nào. Bà chia cho các con theo đất ruộng, ruộng của ai đến đâu thì chia thẳng lên đất rừng đến đó, tại vì ruộng của gia đình bà giáp với diện tích đất tranh chấp, từ khi chia đất cho các con, bà không quản lý sử dụng diện tích đất. Gia đình bà không có giấy tờ gì về diện tích đất tranh chấp mà chỉ quản lý thực tế.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Hứa Thị Thiện trình bày:* Nhất trí với ý kiến của anh Lâm Văn C.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Lâm Thị T trình bày:* Chị Lâm Thị T lấy chồng vào năm 2001, chồng chị là anh Lâm Văn P sau khi lấy chồng thì năm 2010 đến 2021 vợ chồng chị có khai thác nhựa khoảng 20 cây thông trên diện tích đất tranh chấp, trong đó có 06 cây thông ở phía dưới khe đồi giáp với đất nhà ông Lý Văn S và khoảng 13 cây thông giáp với phần đất ruộng của gia đình ông Lâm Văn K. Tháng 3/2022 em trai là Lâm Văn C là người chặt các cây thông trên đất, còn vợ chồng chị tiến hành dọn rừng và 5/2022 tiến hành trồng cây bạch đàn, cây keo trên đất tranh chấp, khi trồng cây bạch đàn, cây keo thì không có ai ý kiến gì, bà Lâm Thị K có biết vợ chồng chị trồng nhưng cũng không có ý kiến gì. Con đường phía dưới giáp với đất ruộng của ông Lâm Văn K là do vợ chồng chị tự mở vào năm 2021, để trồng cây bạch đàn, cây keo trên đất tranh chấp. Phần diện tích đất có 13 cây thông mà gia đình chị cạo nhựa nằm ở phía dưới con đường do gia đình chị tự mở vào năm 2021. Vợ chồng chị là người trồng cây bạch đàn, cây keo nhưng chỉ trồng hộ cho ông Lâm Văn K, còn cây bạch đàn, cây keo là của ông Lâm Văn K, không phải là tài sản của vợ chồng chị. Diện tích đất tranh chấp bố mẹ chúng tôi đã chia cho ba anh em là Lâm Văn K, Lâm Văn M, Lâm Văn C quản lý nên chị không yêu cầu quản lý và sử dụng diện tích đất tranh chấp và sở hữu tài sản trên đất.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Lâm Văn P trình bày:* Nhất trí với ý kiến của chị Lâm Thị T.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Lâm Văn M trình bày:* Nhất trí với ý kiến của anh Lâm Văn C.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Lâm Thị Phòng, chị Lâm Thị P trình bày:* Diện tích đất tranh chấp đã chia cho 3 anh em là Lâm Văn K, Lâm Văn M, Lâm Văn C quản lý nên các chị không yêu cầu quản lý và sử dụng diện tích đất tranh chấp.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Lâm Thị T, chị Lâm Thị T2 trình bày:* Đất tranh chấp thuộc khu đồi T, thôn N, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn do bố mẹ để lại, bố tên là ông Lâm Văn K (đã chết) và mẹ là bà Triệu Thị S khai phá từ ngày xưa, nhưng không nhớ khai phá từ khi nào. Chị Lâm Thị T có được một lần cùng bố mẹ trồng thông trên đất nhưng không nhớ trồng bao nhiêu cây và trồng năm nào, bố mẹ trồng một lần duy nhất, ngoài ra không trồng thông thêm lần nào, các anh em trong gia đình không ai trồng thông mà chỉ quản lý những cây đã có sẵn trên đất. Bố mẹ chỉ nói là quản lý khu đồi này, còn diện tích bao nhiêu thì không nắm được. Từ trước năm 2010 cả gia đình cùng quản lý còn từ sau năm 2010 gia đình thống nhất chia đất cho 3 anh em là Lâm Văn K, Lâm Văn M, Lâm Văn C quản lý, các chị em gái đi lấy chồng không quản lý từ năm 2010 cho đến nay. Việc chia đất có giấy tờ nhưng hiện nay đã bị mất. Diện tích đất tranh chấp đã được giao cho 3 anh em là Lâm Văn K, Lâm Văn M, Lâm Văn C quản lý nên chị Lâm Thị T, chị Lâm Thị Tí không yêu cầu quản lý và sử dụng diện tích đất tranh chấp.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lý Văn S và bà Hoàng Thị P trình bày:* Đối với phần diện tích đất mà gia đình anh Lâm Văn C, ông Lâm Văn K trồng bạch đàn sang đất của gia đình. Gia đình ông, bà sẽ tự thỏa thuận về việc di dời cây và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông, bà cho rằng có được nhìn thấy ông Lý Văn L trồng thông trên diện tích đất tranh chấp 02 lần, lần một vào năm 1998, lần 2 vào năm 2007, không thấy gia đình bị đốn trồng cây gì trên đất. Tại khu đồi Tàng Tàu, khu vực diện tích đất tranh chấp đã bị cháy rừng 02 lần, lần thứ nhất vào năm 2007, lần thứ hai vào năm 2013.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn D, bà Lý Thị C, chị Lý Thị T, anh Lý Văn T trình bày:* Các gia đình đều không quản lý và sử dụng diện tích đất nào ở khu đồi Tàng Tàu, không liên quan gì đến diện tích đất tranh chấp nên không yêu cầu quản lý và sử dụng diện tích đất tranh chấp.

** Những người làm chứng:* Ông Lý Văn L là trưởng thôn thời điểm năm 1997, 1998 trình bày theo dự án dự án 327 thì người dân trong thôn tiến hành họp thôn, bốc thăm, sau đó đi nhận đất tại thực địa. Gia đình ông Lý Văn L được giao 02 lô, một lô vào năm 1997 tại khu đồi C, một lô vào năm 1998 tại khu đồi Tàng Tàu. Gia đình ông Lâm Văn Không và bà Triệu Thị S chưa có danh sách là hộ dân trong thôn nên chưa có danh sách đi nhận đất theo dự án 327 vào các năm 1997, 1998, 1999. Sau khi nhận đất người dân tiến hành phát cây, phát đến đâu

thì trồng thông đến đó. Đối với phần diện tích đất được giao thì gia đình ông Lý Văn L đã tiến hành trồng thông nhưng không trồng xuống diện tích đất tranh chấp. Người làm chứng anh Lý Văn Y không nắm được nguồn gốc, quá trình quản lý và sử dụng diện tích đất tranh chấp như thế nào. Người làm chứng anh Lý Văn H trình bày giáp với diện tích đất tranh chấp có 03 con đường, một con đường là do gia đình ông Lý Văn L và bà Lâm Thị K tự mở vào năm 2018 để khai thác gỗ thông, con đường đất ở phía giáp với đất ruộng của ông Lâm Văn K là do gia đình anh Lâm Văn C, ông Lâm Văn K tự mở vào năm 2021, còn con đường giáp với đất rừng của gia đình ông Lý Văn N là con đường mòn có từ ngày xưa.

Tại Biên bản xác minh ngày 07/3/2023 của Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn thể hiện theo các tài liệu lưu giữ tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp L thì dự án 327 tại xã Q được thực hiện trong vòng 03 năm là năm 1997, 1998, 1999. Các hộ gia đình được giao đất trồng rừng theo hợp đồng đều đã được thanh toán tiền công trồng, chăm sóc, bảo vệ. Theo bảng thanh toán trồng rừng dự án 327 năm 1997, xã Q được chi tiền phân công trồng rừng cho ông Lý Văn L với số tiền là 425.000 đồng theo hợp đồng trồng rừng số 184; theo bảng thống kê chi tiết lô chăm sóc rừng N1-1998 có số thứ tự là 17, hợp đồng chăm sóc rừng số 17, tiểu khu 402, khoảnh 13, lô C1, diện tích là 1,0ha mang tên ông Lý Văn L. Ngoài lô C1 trên thì ông Lý Văn L không được giao thêm lô nào khác. Đối với gia đình ông Lâm Văn K, bà Triệu Thị S không có tên trong các tài liệu đã kiểm tra.

Tại Biên bản xác minh ngày 11/7/2023 của Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn: Ông Lý Văn D, Trưởng thôn N, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn vào năm 2018 có được lập biên bản về việc nhổ cây keo tại diện tích đất tranh chấp hiện nay, nhổ khoảng 200 cây keo, cao khoảng 50cm. Gia đình ông Lý Văn L trồng cây keo trên cả con đường mới mở và trồng xuống phía dưới sát con đường do gia đình ông Lý Văn L mở vào năm 2018, chưa trồng xuống đến khe đồi và sát ruộng của gia đình ông Lâm Văn K. Từ năm 2000 đến nay không có việc cháy rừng xảy ra tại khu đồi Tàng Tàu. Con đường giáp về phía đất ruộng của ông Lâm Văn K là do ông Lâm Văn T mở vào năm 2021 để mua đồi thông ở phía bên trong. Con đường giáp với đất rừng của ông Lý Văn N là con đường mòn có từ ngày xưa.

Tại Công văn số 161/CV-CT, ngày 12/7/2023 Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp L thể hiện tại Biểu thống kê chi tiết nghiệm thu bảo vệ rừng trồng dự án năm 2004 (xã Q) thì ông Lý Văn L được nghiệm thu lô a2, khoảnh 5, tiểu khu 403, diện tích là 2,2ha, trồng rừng năm 1998. Tuy nhiên qua kiểm tra đối chiếu các bản đồ thiết kế trồng rừng năm 1997 và năm 1998 tại xã Quan Bản cũ không thấy có lô a2, khoảnh 5, tiểu khu 403, diện tích là 2,2ha và cũng không tìm thấy hợp đồng trồng và chăm sóc lô a2 nói trên.

Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 09/01/2023 của Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn thể hiện diện tích đất tranh chấp là 6988,1m² thuộc khu đồi T (hay còn gọi là T1), thôn N, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, thuộc một phần thửa đất số 119, tờ bản đồ 01, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Đ,

huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Tài sản trên đất gồm có 1405 cây bạch đàn (trong đó đã bao gồm 21 cây bị chặt), còn lại là 1384 cây bạch đàn và 50 cây keo đều có đường kính gốc dưới 05cm và 01 cây dã hương, 01 cây kháo đều có đường kính gốc trên 30cm.

Toà án đã tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải tuy nhiên các bên đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình, do đó hoà giải không thành.

Tại phiên toà các đương sự không tranh luận gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến việc tuân theo pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau: Thành phần Hội đồng xét xử tại phiên tòa đúng với thành phần Hội đồng xét xử được ghi trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Thẩm phán, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng nhưng họ đã có đơn xin xét xử vắng mặt và có lời khai tại hồ sơ vụ án, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên là đúng quy định tại Điều 227, 228, 229 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả hỏi, tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa: Có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về quyền quản lý và sử dụng diện tích đất tranh chấp và sở hữu tài sản trên đất; hộ ông Lý Văn L và bà Lâm Thị K phải thanh toán giá trị 1384 cây bạch đàn có đường kính gốc dưới 05cm và 50 cây keo có đường kính gốc dưới 05cm trên diện tích đất tranh chấp cho gia đình ông Lâm Văn K và anh Lâm Văn C với tổng số tiền 11.472.000 đồng (mười một triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn đồng); gia đình ông Lâm Văn K và gia đình anh Lâm Văn C phải chấm dứt hành vi tranh chấp đối với diện tích đất tranh chấp và tài sản gắn liền với đất; đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lý Văn L, bà Lâm Thị K đối với diện tích đất là 727,6m² thuộc một phần thửa đất số 113, tờ bản đồ 01, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn và tài sản gắn liền với đất; đình chỉ xét xử đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản là 215 cây keo, mỗi cây có giá trị là 30.000 đồng, tổng cộng là 6.450.000 đồng và 07 cây thông đã bị chặt có giá trị là 500.000 đồng do nguyên đơn rút yêu cầu. Còn các chi phí tố tụng khác và án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên đến vụ án, người làm chứng vắng mặt đã có đơn xin giải quyết vắng mặt và đã có lời khai thể hiện trong hồ sơ vụ án. Căn cứ theo quy định tại Điều 227, 228, 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người trên.

[2] Ông Lý Văn L, có vợ bà Lâm Thị K. Họ gồm có 02 người con là Lý Văn T, Lý Thị T.

[3] Ông Lâm Văn Khòong (đã chết năm 2017), có vợ bà Triệu Thị S. Họ gồm có 08 người con là chị Lâm Thị P, chị Lâm Thị T, chị Lâm Thị T, chị Lâm

Thị T1, chị Lâm Thị P, anh Lâm Văn K, anh Lâm Văn M, anh Lâm Văn C. Anh Lâm Văn C có vợ là chị La Thị T.

[4] Diện tích đất tranh chấp được xác định có diện tích đất là 6988,1m² tại khu đồi Tàng Tàu (hay còn gọi là Tồng Tàu), thôn N, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, thuộc một phần thửa đất số 119, tờ bản đồ 01, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Căn cứ theo quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn. Quan hệ tranh chấp về quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản; yêu cầu chấm dứt hành vi tranh chấp. Đối với yêu cầu di dời tài sản trên đất là cây bạch đàn, cây keo do gia đình bị đơn trồng, tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi yêu cầu được sở hữu cây bạch đàn, cây keo do gia đình bị đơn trồng, yêu cầu thay đổi này không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về nguồn gốc diện tích đất tranh chấp: Nguyên đơn cho rằng nguồn gốc đất tranh chấp do Nhà nước giao theo dự án 327, được giao 02 lô đất, một lô được giao vào năm 1997 có địa danh tại khu đồi C và một lô được giao vào năm 1998 có địa danh tại khu đồi T. Tại Công văn số 738/UBND-TNMT ngày 31/3/2023 của Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn về việc cung cấp hồ sơ cho Tòa án thể hiện không có thông tin về số lô, số thửa, tờ bản đồ và các văn bản liên quan đến nguồn gốc sử dụng đất là được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất năm 1997 cho hộ ông Lý Văn L và bà Lâm Thị K. Tại Biên bản xác minh ngày 07/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn thể hiện Ủy ban nhân dân xã Đ (xã Quan B), huyện L, tỉnh Lạng Sơn không lưu giữ bản đồ giao đất lâm nghiệp năm 1997 và sổ lâm bạ nên không có tài liệu gì về việc giao đất rừng cho các hộ gia đình tại xã Q cũ. Tại Biên bản xác minh ngày 02/02/2023 tại Hạt kiểm lâm huyện L, tỉnh Lạng Sơn thể hiện không lưu giữ Sổ lâm bạ thống kê hiện trạng rừng và trồng rừng khi nhận đất; bản đồ giao đất lâm nghiệp xã Q cũ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn không lưu giữ hồ sơ, tài liệu gì liên quan đến việc giao đất cho gia đình nguyên đơn và gia đình các bị đơn. Tuy nhiên lời khai của nguyên đơn phù hợp với lời khai của những người có đất giáp ranh là gia đình ông Lý Văn S, bà Hoàng Thị P và gia đình anh anh Lý Văn H thì gia đình ông Lý Văn L cũng được giao lô một lô đất giáp ranh với lô đất mà gia đình ông Lý Văn S, bà Hoàng Thị P và gia đình anh Lý Văn H được giao vào năm 1998 theo dự án 327. Phù hợp với lời khai của người làm chứng là ông Lý Văn L, Trưởng thôn thời điểm năm 1997, 1998 cho rằng theo dự án 327 thì gia đình ông Lý Văn L được giao 02 lô, một lô tại khu đồi C, còn 01 lô tại khu đồi T. Phù hợp với tài liệu do Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (TNHH MTV) Lâm nghiệp L cung cấp thể hiện ông Lý Văn L được giao một lô a2, khoảnh 5, tiểu khu 403, diện tích là 2,2ha, trồng rừng năm 1998 và 01 lô C1, khoảnh 13, tiểu khu 402, diện tích 1,0ha, trồng rừng năm 1997. Tiếp giáp với diện tích đất tranh chấp gia đình nguyên đơn đã trồng thông từ năm 1998, quản lý ổn định không tranh chấp với ai. Gia đình bị đơn cũng thừa nhận phần diện tích đất mà gia đình nguyên đơn đã trồng thông từ năm 1998 là của gia đình nguyên đơn và không tranh chấp. Gia

đình các bị đơn cho rằng nguồn gốc đất tranh chấp là ông cha để lại, nhưng không đưa ra được bất cứ tài liệu gì chứng minh về nguồn gốc do ông cha để lại. Như vậy có căn cứ cho rằng nguồn gốc đất tranh chấp được Nhà nước giao cho gia đình nguyên đơn vào năm 1998.

[6] Về quá trình quản lý và sử dụng diện tích đất tranh chấp: Từ năm 1998 sau khi được giao đất và giao giống cây thông con thì gia đình nguyên đơn đã trồng toàn bộ cây thông trên đất vào năm 1998, ngoài ra không trồng thêm lần nào, tuy nhiên phần diện tích đất tranh chấp do bị cháy nên trên đất chỉ có lác đác cây thông. Đến năm 2008 gia đình nguyên đơn kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất được giao và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2012, bao gồm cả phần diện tích đất không tranh chấp (phần diện tích đã trồng thông vào năm 1998) và phần diện tích đất tranh chấp. Đối với phần diện tích đất giáp ranh với đất tranh chấp gia đình nguyên đơn đã khai thác nhựa thông từ năm 2013 đến năm 2018 khai thác gỗ thông và đồng thời mở con đường để vận chuyển gỗ thông vào năm 2018, phần diện tích đất tranh chấp gia đình nguyên đơn không khai thác nhựa lý do trên đất chỉ có lác đác cây thông. Đến tháng 6/2021 gia đình nguyên đơn tiến hành trồng cây keo trên toàn bộ phần diện tích đất đã khai thác gỗ thông và trồng keo xuống cả phía dưới sát mép con đường mới mở. Cả nguyên đơn và các bị đơn đều thừa nhận năm 2021 khi gia đình nguyên đơn trồng cây keo xuống phía dưới con đường mới mở và các bị đơn đã nhổ lên không cho trồng xuống và bắt đầu xảy ra tranh chấp từ năm 2021 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lâm Văn C cho rằng hai bên gia đình thoả thuận để cho gia đình ông Lý Văn L mở con đường để khai thác gỗ thông, phía trên con đường là của gia đình ông Lý Văn L quản lý, phía dưới con đường là của gia đình các bị đơn quản lý, tại phiên toà anh Lâm Văn C lại cho rằng con đường mới mở trước đây đã có một con đường mòn đi bộ, sau này ông Lý Văn L mới mở rộng như hiện nay. Tuy nhiên người làm chứng ông Lý Văn H, ông Lý Văn L đều cho rằng đây là con đường mới mở là do gia đình ông Lý Văn L mở vào năm 2018 sử dụng để khai thác vận chuyển gỗ thông của gia đình ông Lý Văn L. Do đó có căn cứ cho rằng đây là con đường do gia đình ông Lý Văn L mở vào năm 2018, mục đích là để vận chuyển gỗ thông, không phải là con đường mòn đi bộ có từ trước. Gia đình các bị đơn cho rằng bố mẹ các bị đơn có trồng lác đác cây thông trên đất nhưng trồng bao nhiêu cây và trồng năm nào thì không biết. Bị đơn và các anh em trong gia đình bị đơn không ai trồng thêm cây gì trên đất, có riêng ông Lâm Văn K cho rằng có trồng thông trên đất nhưng không biết trồng bao nhiêu cây và trồng vào năm nào. Từ năm 2010 đến năm 2021 vợ chồng chị Lâm Thị T khai thác nhựa khoảng 20 cây thông trên diện tích đất tranh chấp, trong đó khai thác 13 cây thông ở phía giáp đất ruộng của gia đình và 06 cây thông ở khe đồi giáp với đất rừng của gia đình ông Lý Văn S, tuy nhiên đến tháng 3/2022 anh Lâm Văn C đã phát dọn chặt toàn bộ cây thông trên đất nên hiện trên đất tranh chấp chỉ còn gốc một số cây thông, không thể hiện có cây thông đã khai thác nhựa. Đến tháng 5/2022 gia đình các bị đơn trồng bạch đàn trên toàn bộ đất tranh chấp, mà từ năm 2021 đã có tranh chấp giữa hai gia đình, nên việc gia đình bị đơn trồng cây bạch đàn trên đất sau khi có tranh chấp xảy ra. Những người làm chứng ông

Lý Văn K, ông Lâm Văn H cho rằng có nhìn thấy ông Lâm Văn Không là bố của ông Lâm Văn K hái củi, quản lý không cho ai làm gì trên đất tại khu đồi này, tuy nhiên không thấy nhìn thấy ai trồng cây gì trên đất, ông Lý Văn K cho rằng có được nhìn thấy chị Thể khai thác nhựa thông đồi phần diện tích đất giáp với đất ruộng của ông Lâm Văn Không. Do đó không có căn cứ cho rằng ông Lâm Văn Không, ông Lâm Văn K có trồng thông trên đất và vợ chồng chị Lâm Thị Thể có khai thác nhựa thông trên diện tích đất tranh chấp. Anh Lâm Văn C cũng thừa nhận ở phía dưới con đường do gia đình nguyên đơn mở vào năm 2018, giáp với con đường đất (đường mòn có từ ngày xưa giáp với đất rừng của ông Lý Văn Nhọng) có khoảng 10 cây thông do gia đình nguyên đơn trồng từ trước, hiện nay trên đất chỉ còn gốc cây đang bị mục. Anh Lâm Văn C cho rằng có sự thoả thuận với gia đình nguyên đơn về việc mở con đường vào năm 2018, phía trên con đường là của gia đình nguyên đơn, phía dưới con đường là của gia đình bị đơn, tuy nhiên không đưa ra được căn cứ gì chứng minh có sự thoả thuận này. Gia đình các bị đơn cũng chưa thực hiện việc kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất tranh chấp và cũng không đưa ra được căn cứ nào khác chứng minh về quá trình quản lý và sử dụng cũng như được Nhà nước cấp một trong các loại giấy tờ theo quy định của Luật Đất đai đối với diện tích đất tranh chấp.

[7] Về trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Tại Công văn số 3800/UBND-TNMT ngày 06/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn về việc cung cấp hồ sơ thể hiện trình tự thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số phát hành BC 316505, số vào sổ cấp GCN: CH00332, ngày 15/3/2012 cho hộ ông Lý Văn L và bà Lâm Thị K đối với thửa đất số 119, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Đ (xã Q trước khi sáp nhập), huyện L, tỉnh Lạng Sơn tại khu đồi T, thôn N, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn được thực hiện theo Điều 135 Nghị định 181/2004/NĐ-CP, ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai, Nghị định 84/2007/NĐ-CP, ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai. Thửa đất trên được phép giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cá nhân, hộ gia đình, tổ chức nếu đủ điều kiện theo quy định của pháp luật. Tài sản trên đất được phép tạo lập. Tại Công văn số 2253a/UBND-TNMT ngày 28/7/2023 của Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn về việc cung cấp hồ sơ thể hiện việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 119, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Đ (xã Q trước khi sáp nhập), huyện L, tỉnh Lạng Sơn là đúng trình tự thủ tục theo quy định.

[8] Theo chính sách, pháp luật đất đai của Nhà nước ta qua các thời kỳ thì đất đai thuộc sở hữu toàn dân, do Nhà nước thống nhất quản lý. Trước khi Luật Đất đai năm 1993 ra đời, Nhà nước không xác lập quyền sử dụng đất cho cá nhân, hộ gia đình (Luật Đất đai năm 1987). Sau khi Luật Đất đai năm 1993 có hiệu lực pháp luật (ngày 15/10/1993), Nhà nước xác lập quyền sử dụng đất cho cá nhân, hộ gia đình. Người sử dụng đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

được Nhà nước bảo hộ khi bị người khác xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp về đất đai của mình. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là chứng thư pháp lý để Nhà nước xác nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất hợp pháp của người có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất. Gia đình các bị đơn đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với đất ruộng giáp với diện tích đất tranh chấp, còn phần diện tích đất tranh chấp không thực hiện việc đi kê khai, xác lập quyền sử dụng đất, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất đối với phần diện tích đất tranh chấp. Năm 2014 bị đơn anh Lâm Văn C phát hiện gia đình nguyên đơn được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất tranh chấp nhưng không ý kiến gì. Gia đình nguyên đơn được Nhà nước giao vào năm 1998 và được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2012 và có quá trình quản lý, sử dụng ổn định, đến năm 2021 mới xảy ra tranh chấp thuộc trường hợp được Nhà nước xác lập quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Luật Đất đai năm 1993; Điều 49 Luật Đất đai năm 2003; khoản 1, 2 Điều 26; Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013.

[9] Do đó có đủ căn cứ xác định: Diện tích đất tranh chấp 6988,1m² thuộc một phần thửa đất số 119 tờ bản đồ 01, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn là của gia đình nguyên đơn ông Lý Văn L, bà Lâm Thị K quản lý và sử dụng. Đối với tài sản trên đất theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 09/01/2023 của Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn thể hiện trên diện tích đất tranh chấp có tổng số là 1405 cây bạch đàn (đã bao gồm 21 cây bị chặt), còn lại là 1384 cây bạch đàn và 50 cây keo đều có đường kính gốc dưới 05cm và 01 cây dã hương, 01 cây kháo đều có đường kính gốc trên 30cm. Trong đó có 1384 cây bạch đàn và 50 cây keo do gia đình bị đơn trồng vào tháng 5/2022, còn 01 cây dã hương và 01 cây kháo là tự mọc. Gia đình nguyên đơn yêu cầu được sở hữu tài sản trên đất và thanh toán giá trị cây bạch đàn, cây keo theo giá Nhà nước cho gia đình bị đơn. Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ thể hiện tài sản trên đất là bạch đàn, cây keo đều có đường kính dưới 05cm là cây mới trồng đang trong giai đoạn phát triển. Để đảm bảo cho sự phát triển của 1384 cây bạch đàn và 50 cây keo mới trồng và đảm bảo việc thi hành án. Theo Biên bản định giá tài sản ngày 09/01/2023 của Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn thể hiện cây bạch đàn và cây keo có đường kính gốc dưới 05cm đều có giá là 8.000đồng/cây. Do đó có căn cứ chấp nhận yêu cầu của gia đình nguyên đơn về quyền sở hữu tài sản trên đất là 1384 cây bạch đàn (đã trừ 21 cây bạch đàn bị chặt) và 50 cây keo đều có đường kính gốc dưới 05cm và có trách nhiệm thanh toán giá trị cho gia đình các bị đơn với tổng số tiền là 11.472.000 đồng (mười một triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

[10] Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản: 215 cây keo, mỗi cây có giá trị là 30.000 đồng, tổng cộng là 6.450.000 đồng và 07 cây thông đã bị chặt có giá trị là 500.000 đồng. Do nguyên đơn ông Lý Văn L, bà Lâm Thị K đã rút yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Toà án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này.

[11] Đối với diện tích đất là 727,6m² thuộc một phần thửa đất số 113, tờ bản đồ 01, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn và tài sản trên đất là 145 cây bạch đàn có đường kính gốc dưới 05cm, do gia đình ông Lý Văn S, bà Hoàng Thị P đang quản lý và sử dụng. Diện tích đất có tứ cận tiếp giáp và độ dài các cạnh thể hiện bởi hình vẽ nối các điểm A3-A4-A5-B2 (ký hiệu số thửa tạm là 113.1) thể hiện tại Trích đo khu đất kèm theo Bản án. Do nguyên đơn ông Lý Văn L, bà Lâm Thị K đã rút không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

[12] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, chồng ghép bản đồ: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận và các bên không thỏa thuận được về nghĩa vụ chịu số tiền trên, do đó các bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản đối với phần diện tích đất tranh chấp 18.114.000 đồng (mười tám triệu một trăm mười bốn nghìn đồng). Nguyên đơn ông Lý Văn L và bà Lâm Thị K phải chịu số tiền 1.886.000 đồng (một triệu tám trăm tám mươi sáu triệu đồng) về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, chồng ghép bản đồ với rút yêu cầu giải quyết diện tích đất 727,6m² thuộc một phần thửa đất số 113, tờ bản đồ 01, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, chồng ghép bản đồ là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Xác nhận nguyên đơn đã nộp đủ số tiền 1.886.000 đồng (một triệu tám trăm tám mươi sáu triệu đồng). Bị đơn ông Lâm Văn K và anh Lâm Văn C phải chịu số tiền 18.114.000 (mười tám triệu một trăm mười bốn nghìn đồng) về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, chồng ghép bản đồ. Bị đơn ông Lâm Văn K và anh Lâm Văn C phải trả lại cho nguyên đơn ông Lý Văn L và bà Lâm Thị K tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, chồng ghép bản đồ là 18.114.000 (mười tám triệu một trăm mười bốn nghìn đồng), trong đó ông Lâm Văn K phải chịu 9.057.000 đồng (chín triệu không trăm năm mươi bảy nghìn đồng) và anh Lâm Văn C phải chịu 9.057.000 đồng (chín triệu không trăm năm mươi bảy nghìn đồng).

[13] Về án phí: Nguyên đơn ông Lý Văn L và bà Lâm Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với giá trị cây bạch đàn, cây keo phải thanh toán cho gia đình các bị đơn. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn phải chịu án phí dân sự không có giá ngạch. Tuy nhiên nguyên đơn, các bị đơn đều là người dân tộc thiểu số sinh sống ở những nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và đều có đơn đề nghị miễn nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn và các bị đơn.

[14] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đưa ra là có căn cứ pháp lý, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[15] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 1, 2, 3, 36, 73, 79 của Luật đất đai năm 1993;

Căn cứ Điều 2, 3, 5, 6, 9, 48, 49 của Luật đất đai năm 2003;

Căn cứ vào các Điều 4, 5, 26, 100, 166, 170, 179, 203 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, Điều 158, Điều 161, khoản 1 Điều 165, Điều 166, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, 219, khoản 2 Điều 227, Điều 228, 229, 244, 271, khoản 1, 3 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15, Điều 24, khoản 2 Điều 26, điểm a, b khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản trên đất và nghĩa vụ thanh toán giá trị tài sản trên đất

1.1 Hộ ông Lý Văn L và bà Lâm Thị K được quyền quản lý và sử dụng diện tích đất là 6988,1m² tại khu đồi Tàng Tàu (Tòng Tàu), thôn N, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, thuộc một phần thửa đất số 119, tờ bản đồ 01, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, đã được Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số phát hành BC 316505, số vào sổ cấp GCN: CH00332, ngày 15/3/2012 cho hộ ông Lý Văn L và bà Lâm Thị K.

Diện tích đất có tứ cận tiếp giáp và độ dài các cạnh thể hiện bởi hình vẽ nói các điểm A1-A2-A3-B2-A5-A6-A7-A8-A9 (ký hiệu số thửa tạm là 119.1) thể hiện tại Trích đo khu đất kèm theo Bản án.

1.2. Hộ ông Lý Văn L và bà Lâm Thị K được quyền sở hữu 1384 cây bạch đàn có đường kính gốc dưới 05cm; 50 cây keo có đường kính gốc dưới 05cm; 01 cây dã hương, 01 cây kháo đều có đường kính gốc trên 30 cm trên diện tích đất nêu tại mục 1.1.

1.3. Hộ ông Lý Văn L và bà Lâm Thị K phải thanh toán giá trị 1384 cây bạch đàn có đường kính gốc dưới 05cm và 50 cây keo có đường kính gốc dưới 05cm trên diện tích đất nêu tại mục 1.1 cho gia đình ông Lâm Văn K và anh Lâm Văn C với tổng số tiền 11.472.000 đồng (mười một triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

1.4. Buộc gia đình ông Lâm Văn K và gia đình anh Lâm Văn C phải chấm dứt hành vi tranh chấp đối với diện tích đất tranh chấp và tài sản gắn liền với đất nêu tại mục 1.1.

2. Đình chỉ xét xử:

2.1. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lý Văn L, bà Lâm Thị K đối với diện tích đất là 727,6m² thuộc một phần thửa đất số 113, tờ bản đồ 01, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn và tài sản

trên đất là 145 cây bạch đàn có đường kính gốc dưới 05cm. Diện tích đất có tứ cận tiếp giáp và độ dài các cạnh thể hiện bởi hình vẽ nối các điểm A3-A4-A5-B2 (ký hiệu số thửa tạm là 113.1) thể hiện tại Trích đo khu đất kèm theo Bản án.

2.2. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lý Văn L, bà Lâm Thị K đối yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản là 215 cây keo bị nhỏ, mỗi cây có giá trị là 30.000 đồng, tổng cộng là 6.450.000 đồng và 07 cây thông đã bị chặt có giá trị là 500.000 đồng.

2.3. Dương sự có quyền khởi kiện lại yêu cầu Tòa án giải quyết đối với yêu cầu tại mục 2.1 và mục 2.2.

3. Về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng

Nguyên đơn ông Lý Văn L và bà Lâm Thị K phải chịu số tiền 1.886.000 đồng (một triệu tám trăm tám mươi sáu triệu đồng) về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, chôn cất, hỏa táng. Xác nhận nguyên đơn ông Lý Văn L và bà Lâm Thị K đã nộp đủ số tiền 1.886.000 đồng (một triệu tám trăm tám mươi sáu triệu đồng).

Bị đơn ông Lâm Văn K và anh Lâm Văn C phải chịu số tiền 18.114.000 (mười tám triệu một trăm mười bốn nghìn đồng) về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, chôn cất, hỏa táng. Bị đơn ông Lâm Văn K và anh Lâm Văn C phải trả lại cho nguyên đơn ông Lý Văn L và bà Lâm Thị K tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, chôn cất, hỏa táng là 18.114.000 (mười tám triệu một trăm mười bốn nghìn đồng), trong đó ông Lâm Văn K phải chịu 9.057.000 đồng (chín triệu không trăm năm mươi bảy nghìn đồng) và anh Lâm Văn C phải chịu 9.057.000 đồng (chín triệu không trăm năm mươi bảy nghìn đồng).

4. Về nghĩa vụ chịu lãi xuất chậm trả

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành án thì còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh chậm trả được quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm

Nguyên đơn ông Lý Văn L, bà Lâm Thị K và các bị đơn ông Lâm Văn K, anh Lâm Văn C được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm vì là người dân tộc thiểu số sinh sống ở những nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo

Dương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Dương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Giáp Thanh Long